

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 2,950 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 0% | -2.0% | -13.7% |

| | |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch | HSX |
| Khoảng giá 52 tuần | 2,810 - 4,300 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 122 |
| Số lượng CPLH (CP) | 41,525,250 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 18,665 |
| Sở hữu nước ngoài | 0.9% |
| Beta | 0.32 |
| EPS | -2,031 |
| P/E | -1.5 |

DT thuần

Q1/24

54.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼33.4| -37.9%

YoY: ▼72.2| -56.9%

LN trước thuế

Q1/24

-20.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.50| 32.1%

YoY: ▼20.2| -20194%

LN sau thuế

Q1/24

-20.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.50| 32.1%

YoY: ▼20.2| -33619%

ROA

2023

-8.8%

+/- YoY: ▼ 9.0%

DT thuần

2023

512

tỷ VNĐ

YoY: ▼239| -31.8%

LN trước thuế

2023

-64.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼66.6| -2557%

LN sau thuế

2023

-64.1

tỷ VNĐ

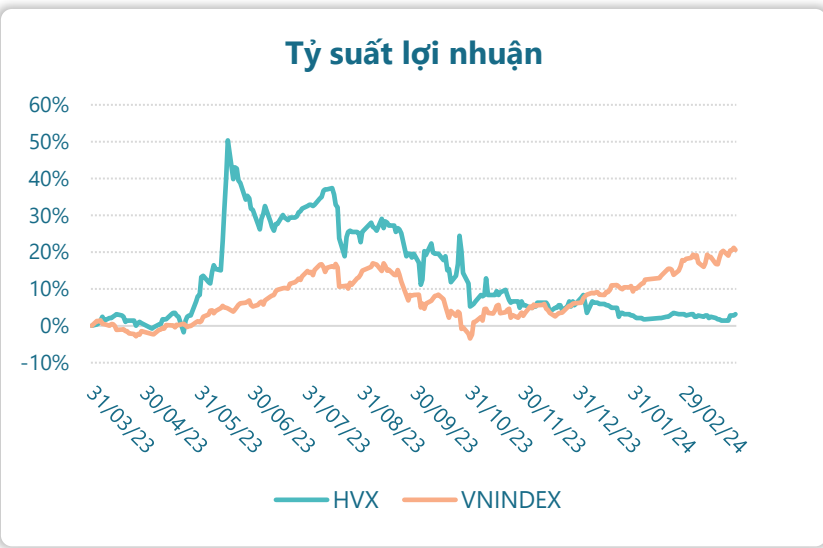
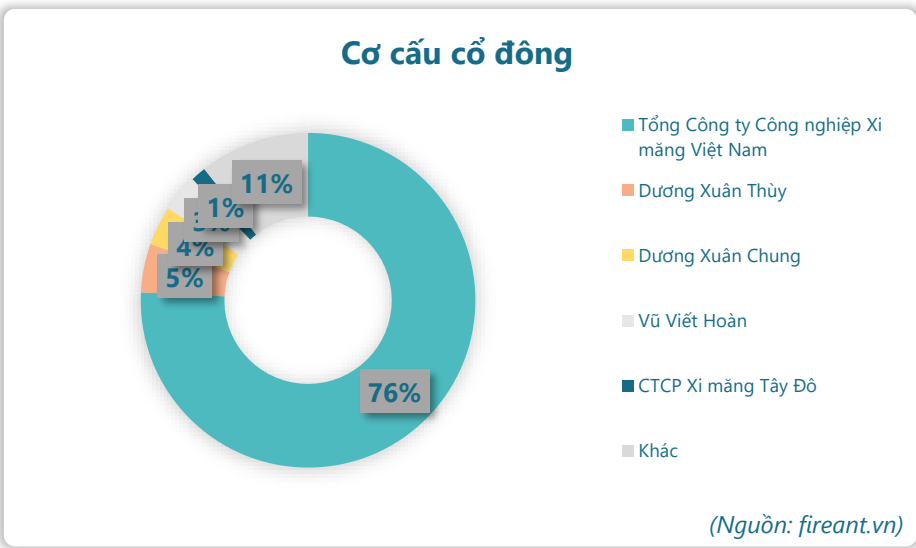
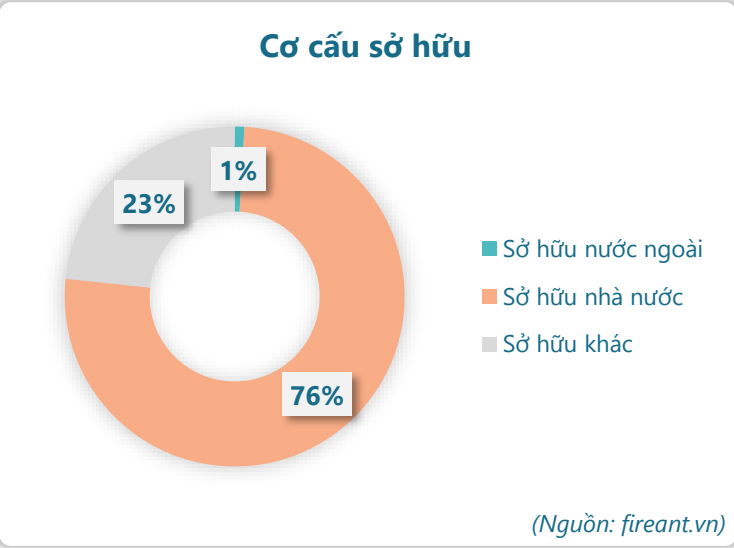
YoY: ▼66.0| -3562%

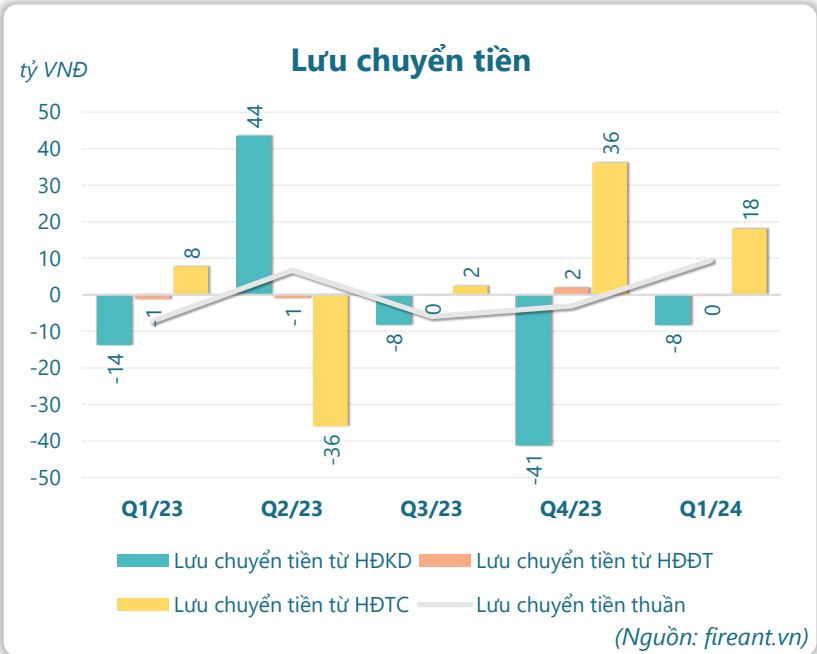
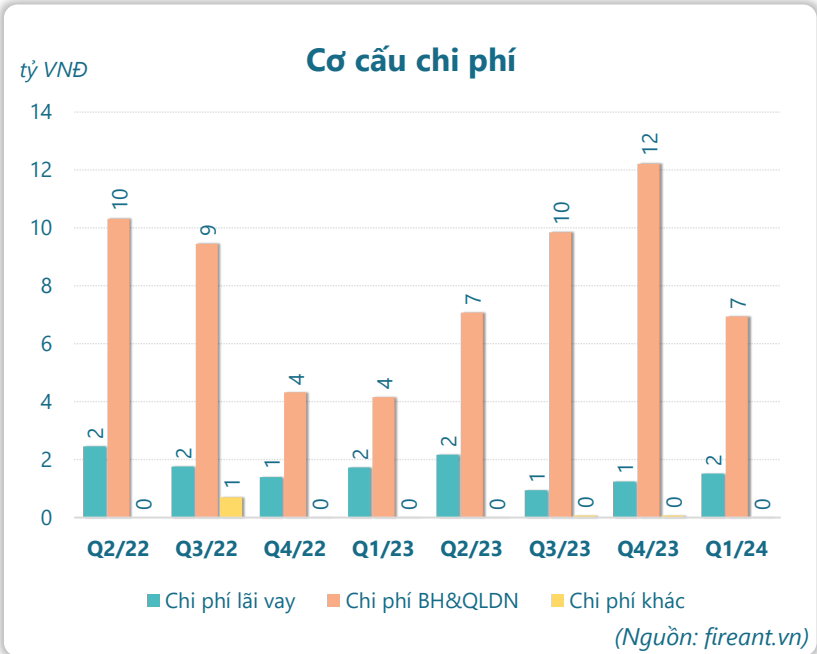
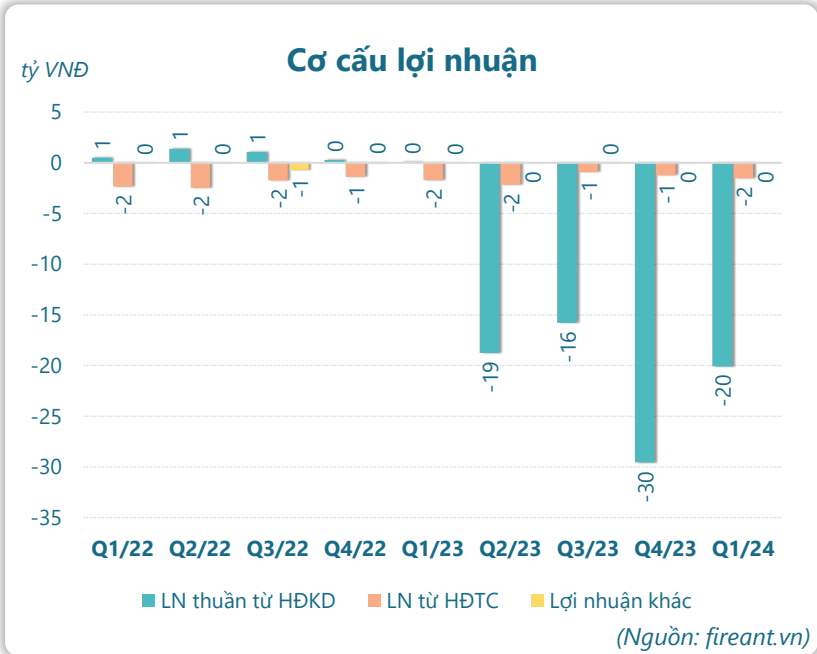
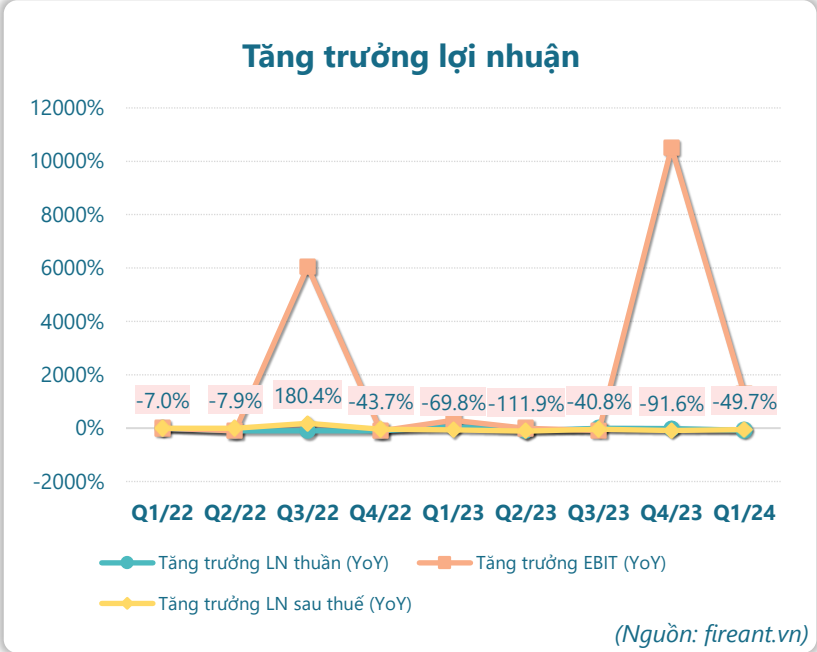
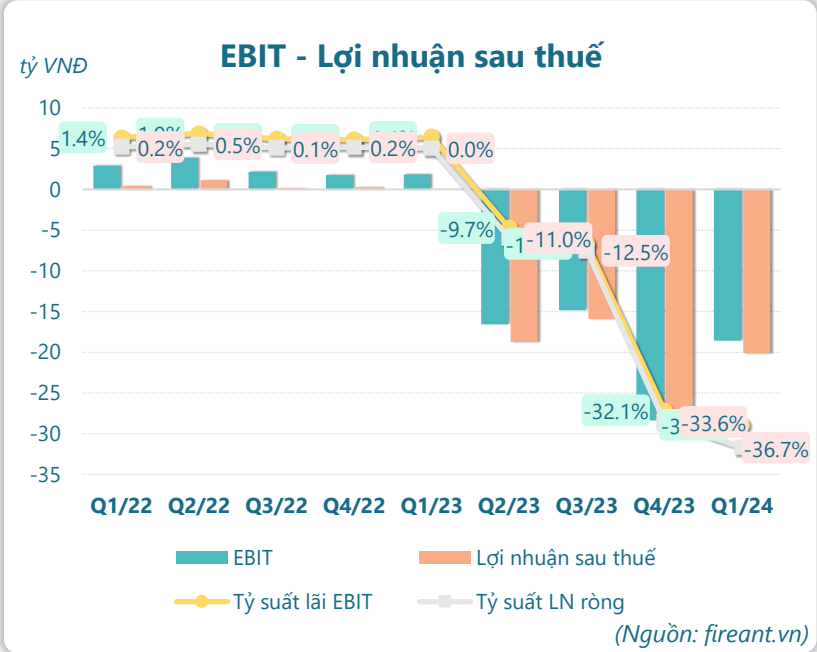
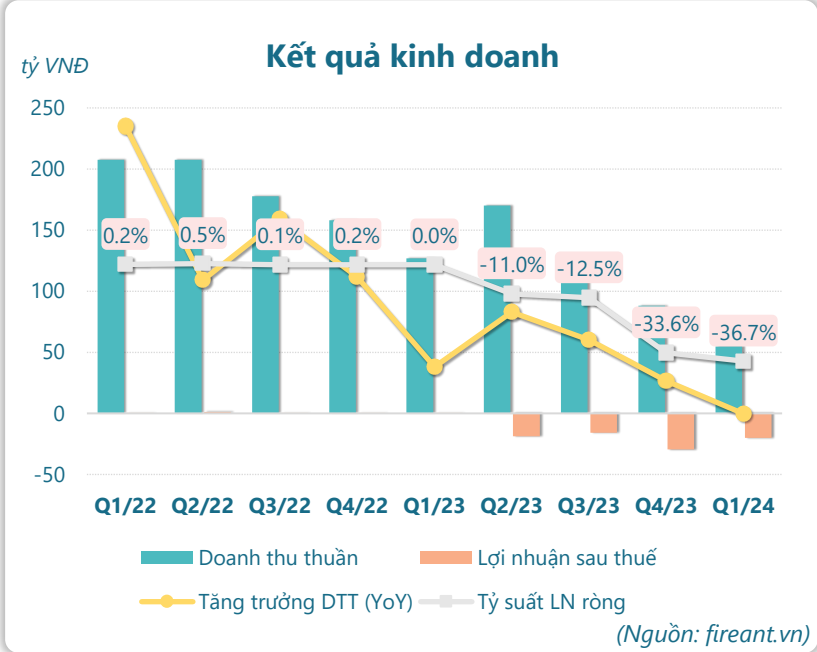
ROE

2023

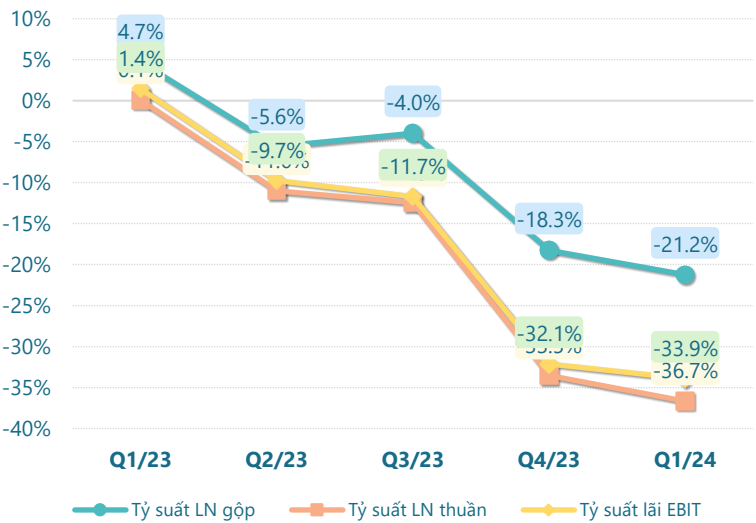
-15.8%

+/- YoY: ▼ 16.2%



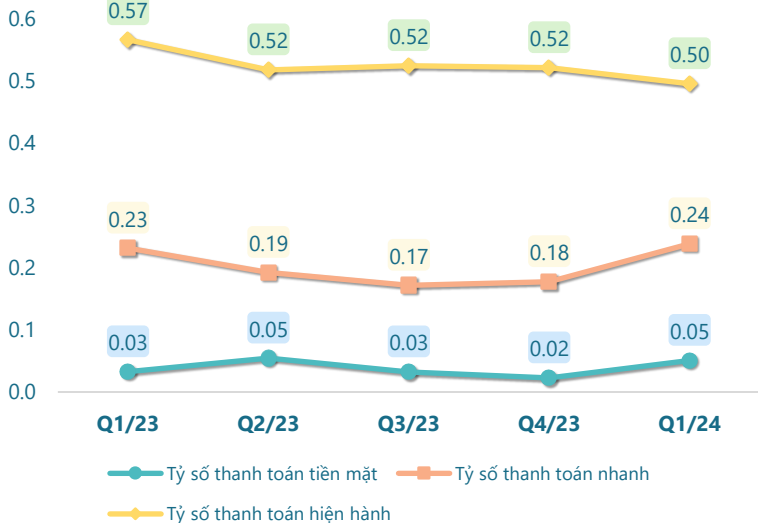


Tỷ suất lợi nhuận



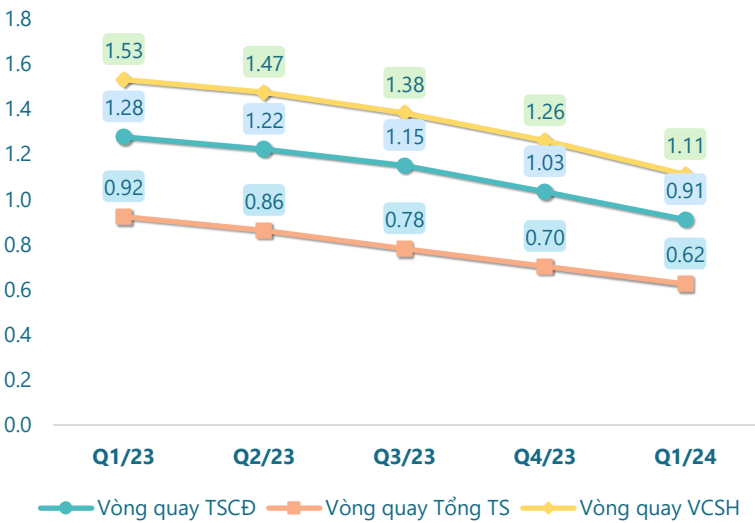
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



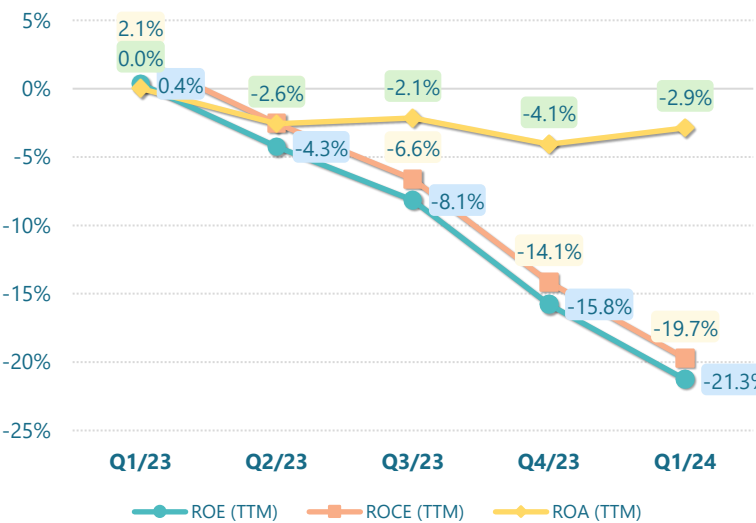
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



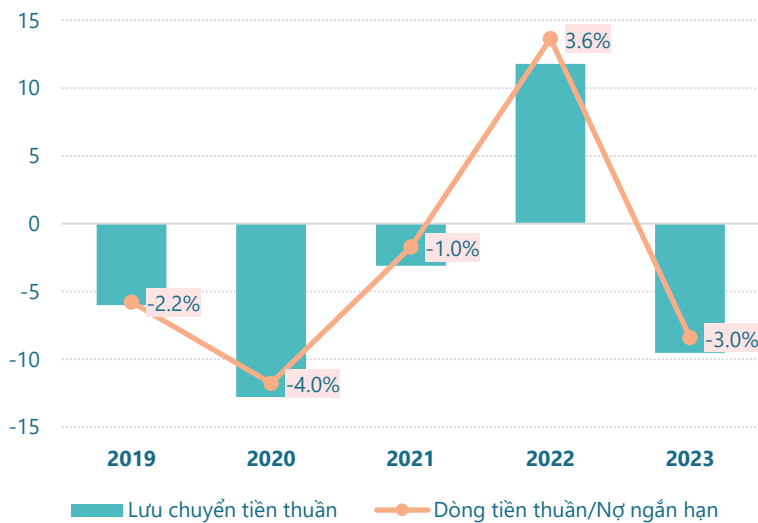
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



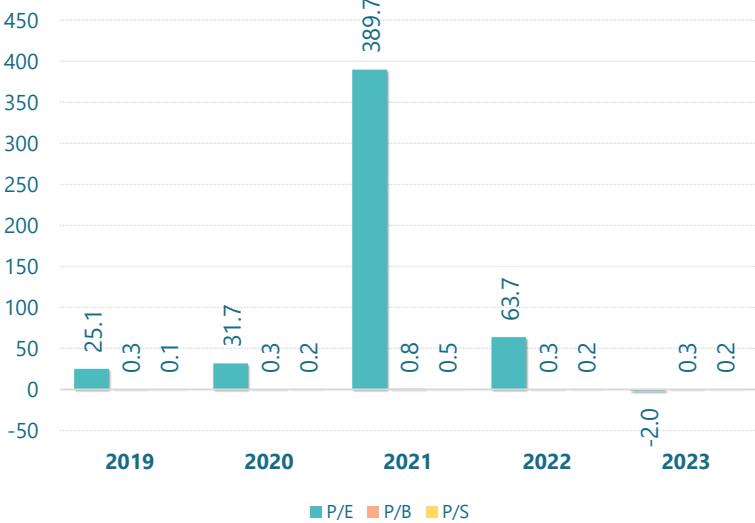
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)